TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2019
"V/v Ly hôn giữa chị Đ và anh H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn;

2. Bà Trần Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu *tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Tấn Tài – KSV.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 276/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 573/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Đ, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số 238, tổ 6, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.(có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1987, nơi cư trú: Số Số 238, tổ 6, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ 12, ấp Tây Hưng, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lưu Thị Đ trình bày: Hôn nhân của anh chị là do anh chị tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Hưng vào năm 2007. Sau khi kết hôn thì cuộc sống chung của vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau khi sinh còn thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn. Anh H thường đánh đập, chửi mắng và hành hạ chị và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H. Trong thời gian chung sống anh chị có 01 đứa con chung tên Lê Chí T, sinh ngày 01/9/2007. Hiện nay con đang sống chung với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lê Văn H đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại biên bản xác minh đối với ông Lê Văn T là cha ruột của anh Lê Văn H trình bày: Ông cưới chị Đ cho H vào năm 2007. Thời gian đầu vợ chồng H sống có hạnh phúc, đến khi vợ H là chị Đ đi làm lò gạch thì vợ chồng H thường xuyên xảy ra mâu thuẩn, còn nguyên nhân cụ thể như thế nào thì ông không rõ, chỉ thấy vào năm 2018 H về nhà chị ruột ở cũng gần nhà với ông. Sau đó H đi Bình Dương làm thuê. Mới đây vào khoảng tháng 8 năm 2018 thì H có về nhà tôi, lúc này có anh đưa thư của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đưa cho H giấy tờ gì đó, ông không biết, nhưng H không chịu ký nhận và sau đó H trờ lên Bình Dương làm cho đến nay.

Tại phiên tòa chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 85, 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị Đ và anh Lê Văn H. Về con chung: Anh chị có 01 đứa con chung tên Lê Chí T, sinh ngày 01/9/2007. Hiện nay con đang sống chung với chị Đ. Từ khi ly thân cho đến nay chị Đ là người trực tiếp nuôi con và cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên đề nghị HĐXX giao con chung cho chị Đ được quyền nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Công nhận việc tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lưu Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Lưu Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn H có nơi cư trú tại số 238, tổ 6, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung: Chị Đ và anh H kết hôn với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau khi sinh còn thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn. Anh H thường đánh đập, chửi mắng và hành hạ chị và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Từ khi anh chị sống ly thân nhau anh chị cũng không có thiện chí khắc phục những mâu thuẩn gia đình để vợ chồng đoàn tụ và kể từ ngày chị Đ nộp đơn xin ly hôn với anh H cho đến nay anh H đã cố tình né tránh không đến tòa án để tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử cũng đã động viên chị Đ để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị Đ vẫn cương quyết ly hôn với anh h. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ vào Điều 85, 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nghĩ nên cho anh chị được ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Đ và anh H có 01 đứa con chung tên Lê Chí T, sinh ngày 01/9/2007. Hiện nay con đang sống chung với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay chị Đ là người trực tiếp nuôi con và cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên HĐXX xét giao con chung cho chị Đ được quyền nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Đ không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

[5] Về tài sản chung: Tại bản tự khai, chị Đ khai vợ chồng không có tài sản chung. Tại phiên tòa chị Đ không yêu cầu chia tài sản chung. Do anh vắng mặt

nên HĐXX không xem xét về tài sản chung của anh chị. Nếu anh H chứng minh được vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu chia tài sản chung thì anh có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lưu Thị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 85 và Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị Lưu Thị Đ được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao đứa con chung tên Lê Chí T, sinh ngày 01/9/2007 cho chị Lưu Thị Đ được quyền nuôi dưỡng. Chị Đ tự nguyện nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, và đó cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

3. *Về tài sản chung:* Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lưu Thị Đ phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số: 0004737 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ*".

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Lan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.